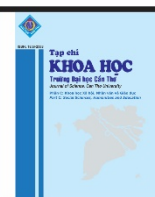




# Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ

## Số chuyên đề: Khoa học Giáo dục

website: [sj.ctu.edu.vn](http://sj.ctu.edu.vn)



DOI:10.22144/ctu.jsi.2019.105

## MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP TẠO ẤN TƯỢNG THẨM MỸ TRONG VIỆC DẠY HỌC VĂN CHƯƠNG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Hồ Thị Xuân Quỳnh\*

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Hồ Thị Xuân Quỳnh (email: [htxquynh@ctu.edu.vn](mailto:htxquynh@ctu.edu.vn))

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 20/03/2019

Ngày nhận bài sửa: 10/05/2019

Ngày duyệt đăng: 22/07/2019

### Title:

Some methods of creating aesthetic impression in teaching - studying literature of Tu Luc Van Doan

### Từ khóa:

Ấn tượng thẩm mỹ, đàm thoại, phương pháp, thuyết trình, trực quan

### Keywords:

Aesthetic impression, conversation, method, talk on something, visual

### ABSTRACT

Innovative methods in teaching and learning linguistic and literature at all levels is an urgent requirement today. With the desire to add voice in teaching and learning literature of Tu luc van doan, the article presents some theoretical bases on methodology along with the innovation approach to the content and teaching methods in part of "Literary achievement of Tu Luc van doan " in the curriculum of language and literature at the university and college level to create aesthetic impression for students.

### TÓM TẮT

Đổi mới phương pháp trong việc dạy và học môn Ngữ văn ở các cấp học, bậc học là một yêu cầu cấp thiết hiện nay. Với mong muốn góp thêm tiếng nói trong việc dạy và học văn xuôi Tự lực văn đoàn, bài viết trình bày một số cơ sở lý luận về phương pháp cùng với việc đổi mới cách tiếp cận nội dung và phương pháp giảng dạy phần “Thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn” trong chương trình chuyên ngành Ngữ văn ở bậc đại học và cao đẳng nhằm tạo ấn tượng thẩm mỹ cho sinh viên.

Trích dẫn: Hồ Thị Xuân Quỳnh, 2019. Một số phương pháp tạo ấn tượng thẩm mỹ trong việc dạy học văn chương Tự lực văn đoàn. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(Số chuyên đề: Khoa học Giáo dục): 96-104.

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Tất cả thành công, thành quả hay chất lượng của hoạt động thực tiễn nào của con người cũng đều có sự kết tinh, sự tổng hòa, sự tích hợp của “chất xám”, chất trí tuệ. Chất xám, chất trí tuệ của con người được thể hiện ở đâu trong mọi kết quả, thành quả ấy? Bất cứ một thành công, thành quả nào không chỉ là kết quả của việc làm mà còn là kết quả của cách làm. Tuy không phải là “đũa thần” có tính vạn năng, nhưng trong thực tiễn cuộc sống, việc làm có tốt hay không là do cách làm. “Cách làm” ở đây chính là phương pháp. Khi giới thuyết khái niệm phương pháp, sinh thời nhà nghiên cứu Nguyễn Lân (2007) đã cho rằng phương pháp là “Lề lối và cách thức

phải theo để tiến hành công tác với kết quả tốt nhất”. Điều đó hoàn toàn đúng với hoạt động dạy - học ở mọi lớp học, cấp học, bậc học trong nhà trường. Hiện nay, một vấn đề bức xúc thu hút sự quan tâm của toàn xã hội là vấn đề chất lượng của giáo dục và đào tạo. Vấn đề này liên quan đến rất nhiều yếu tố, nhiều lĩnh vực. Nhưng trong những yếu tố, những lĩnh vực ấy, không thể không nói tới là việc đổi mới các phương pháp dạy và học. Để góp một tiếng nói nhỏ trong việc đổi mới phương pháp dạy - học môn Ngữ văn ở bậc đại học, bậc cao đẳng, bài viết này trình bày một số cách vận dụng theo lối kết hợp các phương pháp cơ bản của hoạt động dạy - học khi giảng phần *Thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn*,

nhằm gây ấn tượng thẩm mỹ cho sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành Ngữ văn.

## 2 MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Khi nói đến phương pháp, thiết tưởng cũng cần phân biệt giữa việc làm và cách làm. Hoạt động trung tâm của các trường học thuộc các cấp học, bậc học từ phổ thông lên đại học là hoạt động dạy và học. Hoạt động này luôn vận động và phát triển trong lịch trình tiến hóa của nhân loại. Sự phát triển không ngừng của hoạt động này nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của từng thời kỳ, từng giai đoạn lịch sử không thể không nói tới phương pháp và đổi mới phương pháp. Vậy phương pháp là gì? Theo Hoàng Phê và ctv. (1998), trong *Từ điển tiếng Việt* thì phương pháp là “*cách thức nghiên cứu, nhìn nhận các hiện tượng của tự nhiên và đời sống xã hội*”.

Trong hoạt động dạy - học, có nhiều phương pháp như: thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực nghiệm, hoạt động nhóm, đóng vai,... Tuy hoạt động dạy học trong nhà trường có những phương pháp như thế, nhưng mỗi chuyên ngành như: Ngữ văn, Toán học, Vật lý, Hóa học, Lịch sử, Địa lý,... đều có những đặc trưng riêng, nên việc vận dụng các phương pháp ấy lại có những mức độ, giới hạn khác nhau. Không những thế, trong từng chuyên ngành lại có những dạng bài giảng khác nhau. Vì vậy, việc lựa chọn những phương pháp nào cho phù hợp với từng dạng bài giảng là một yêu cầu quan trọng trong đổi mới phương pháp giảng dạy. Chuyên ngành Ngữ văn ở bậc đại học và cao đẳng có các dạng bài thuộc các phân môn: Lý luận Văn học, Lịch sử Văn học, Phê bình Văn học, Ngôn ngữ học. Ở bậc đại học, riêng phân môn Lịch sử Văn học lại có các dạng bài:

- Khái quát một nền văn học, một thời đại văn học, một thời kỳ văn học, một giai đoạn văn học.
- Một khuynh hướng, một lưu phái văn học.
- Thành tựu các thể loại văn học.
- Một tác giả, một tác phẩm văn học.
- Một hiện tượng văn học.

Bài viết này tập trung vào việc trình bày cách vận dụng các phương pháp cơ bản của việc dạy-học khi giảng về *Thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn*. Đây là một bài văn học sử thuộc dạng *Một hiện tượng văn học*.

Đặc trưng của đối tượng truyền thụ khi dạy- học bài *Thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn* là sinh viên chuyên ngành Ngữ văn, năm thứ ba. Các sinh viên này đã học các học phần văn chương dân gian, văn chương viết thời trung đại, văn chương quốc ngữ giai đoạn giao thời (1900-1930). Tuy ở bậc phổ thông, chương trình được cấu tạo theo nguyên tắc

đồng tâm, nhưng phần văn chương Tự lực văn đoàn từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông, học sinh chỉ được học với số tiết rất ít. Ở cấp trung học cơ sở, học sinh chỉ được đọc- hiểu một truyện ngắn của Thạch Lam là *Gió lạnh đầu mùa* trong chương trình lớp 8. Lên cấp trung học phổ thông, học sinh lớp 11 vừa được học văn học sử, vừa được học đọc- hiểu văn chương Tự lực văn đoàn. Tuy nhiên, đối với phần văn học sử, học sinh lớp 11 chỉ được đọc 7 dòng ở trang 89 (Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11, tập 1) và 9 dòng ở trang 116 (sách giáo khoa Ngữ văn nâng cao, lớp 11, tập 1) về văn chương Tự lực văn đoàn trong bài *Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945*. Học sinh lớp 11 còn được đọc- hiểu truyện ngắn *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam. Kiến thức về Tự lực văn đoàn ở bậc phổ thông vốn vụn vặt chỉ có chừng ấy thì quá ít ỏi. Nhưng đó là kiến thức cơ bản. Nếu như kiến thức về Tự lực văn đoàn ở bậc phổ thông là kiến thức cơ bản thì ở bậc đại học là kiến thức nâng cao. Nên dù sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành Ngữ văn đã có dịp học về Tự lực văn đoàn ở bậc phổ thông, song khi học *Thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn* ở bậc đại học, nhiều sinh viên vẫn không khỏi có cảm giác ngỡ ngàng trước nhiều kiến thức tuy không lạ nhưng mới.

Về đặc điểm của bài giảng, như trên đã nêu, đây là bài văn học sử về một hiện tượng văn học - *Thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn*. Bài văn học sử này khái quát về sự ra đời và những sáng tạo nghệ thuật độc đáo trong việc phát triển, định hình, định dạng thẩm mỹ các thể loại văn chương có tính hiện đại cao của các nhà văn trong nhóm Tự lực văn đoàn. Vì đây là một bài văn học sử với một hệ thống nhận định về thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn, nên phải thừa nhận, nội dung bài giảng khá khô khan. Để giảm độ khô khan của một bài văn học sử, nhằm gây hứng thú bằng cách tạo ấn tượng thẩm mỹ cho sinh viên, giảng viên đã gắn các nhận định văn học sử với việc chứng minh bằng phân tích tác phẩm văn chương. Điều quan trọng hơn là giảng viên phải chủ động điều tiết sự kết hợp và thay đổi các phương pháp trong quá trình thực hiện bài giảng.

Về tâm lý của người tiếp nhận văn chương nói chung cũng như những người dạy và học văn chương nói riêng là phải có ấn tượng thẩm mỹ. Có ấn tượng thẩm mỹ thì mới có những khoái cảm thẩm mỹ và khi đã có khoái cảm thẩm mỹ thì mới dẫn tới những khám phá thẩm mỹ đối với những giá trị văn chương nên người dạy có vận dụng tốt phương pháp thì mới gây được ấn tượng thẩm mỹ cho người học.

Thực chất của việc dạy Ngữ văn ở bậc đại học là dạy- học phương pháp bằng phương pháp. Xác định được như vậy thì mới giúp cho sinh viên Ngữ văn có được cách thức khám phá vẻ đẹp thẩm mỹ tiềm

ấn trong hình tượng và gây được ấn tượng thẩm mỹ cho họ. Ở bậc học phổ thông, các tác phẩm được dạy - học theo hướng đọc - hiểu, được sắp xếp theo tiến trình văn học sử mà phân môn văn học sử chỉ được học rất nhẹ nhàng. Ở bậc đại học chuyên ngành Ngữ văn, sinh viên chủ yếu tiếp nhận kiến thức của phân môn văn học sử một cách có hệ thống vừa rộng, vừa sâu. Những đặc điểm trên của đối tượng, chúng tôi đã vận dụng theo hướng kết hợp linh hoạt và điều tiết có mức độ ba phương pháp cơ bản của hoạt động dạy- học là thuyết trình, đàm thoại cục bộ, trực quan khi dạy- học phần *Thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn*.

### 3 MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP KHI DẠY - HỌC THÀNH TỰU VĂN CHƯƠNG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

#### 3.1 Phương pháp thuyết trình

Phương pháp thuyết trình là phương pháp có lịch sử lâu đời trong hoạt động dạy- học của nền giáo dục nhân loại. Từ sau khi đất nước đổi mới (từ 1986 đến nay), với chiến lược Giáo dục phân tích nhằm phát triển năng lực cho người học, phương pháp thuyết trình chỉ được xem như là phương pháp phụ trợ. Trong thực tiễn của hoạt động dạy- học, mỗi phương pháp đều có những ưu thế và hạn chế nhất định. Nên cần biết kết hợp và điều tiết linh hoạt, khéo léo các phương pháp. Một thực tế nữa là phương pháp thuyết trình không chỉ được giảng viên vận dụng trong giảng dạy mà còn được sinh viên vận dụng trong báo cáo, trình bày một vấn đề liên quan đến bài học.

Phần văn chương Tự lực văn đoàn được dạy - học ở bậc đại học chuyên ngành Ngữ văn gồm ba nội dung: một là, sự ra đời của Tự lực văn đoàn, hai là thành tựu về nội dung, ba là thành tựu về nghệ thuật. Trong ba nội dung ấy, nội dung thứ hai và thứ ba là trọng tâm của bài giảng. Ba nội dung này gắn liền với nhau rất chặt chẽ, thống nhất trong mối quan hệ nhân- quả. Có nội dung thứ nhất thì mới có nội dung thứ hai và thứ ba, có sự ra đời của nhóm Tự lực văn đoàn thì mới có thành tựu nội dung mới, nghệ thuật mới do các nhà văn trong nhóm Tự lực văn đoàn sáng tạo nên. Ở cả ba nội dung trên, đối với sinh viên đều là những kiến thức mới. Nên khi giảng nội dung thứ nhất, giảng viên cần vận dụng linh hoạt và khéo léo cả ba thao tác của phương pháp thuyết trình. Ba thao tác đó là giảng diễn, giảng giải và giảng thuật.

Giảng diễn ở đây mang tính chất gợi dẫn để cho sinh viên nhận ra hoàn cảnh ra đời của nhóm Tự lực văn đoàn. Trên tiến trình lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại đã có sự xuất hiện của hai nhóm, hội văn chương. Đó là Hội Tao đàn do Lê Thánh Tông khởi xướng vào năm 1494 và *Chiêu Anh* các do Mạc

Thiên Tích sáng lập ở Hà Tiên vào năm 1736. Nhưng hai nhóm hội này chỉ mang tính chất như là một thi xã hay như là một câu lạc bộ thơ ca. Còn Tự lực văn đoàn ra đời vào tháng 7- 1933 lại là một tổ chức nhà văn có tính văn phái. Tự lực văn đoàn ra đời với bản tôn chỉ gồm 10 điều. Bản tôn chỉ này không chỉ là mục đích mà còn mang ý nghĩa như là một tuyên ngôn nghệ thuật, một cương lĩnh sáng tạo, một đường lối phát triển của nền văn học Việt Nam hiện đại.

Bằng thao tác giảng diễn của phương pháp thuyết trình, giảng viên làm cho sinh viên nhận thức được rằng: sự ra đời của nhóm Tự lực văn đoàn vừa là một hiện tượng, vừa là một sự kiện trong tiến trình lịch sử văn học Việt Nam hiện đại. Đến đây, giảng viên phải biết kết hợp với thao tác giảng giải để làm rõ tại sao gọi là hiện tượng, tại sao gọi là sự kiện? Sờ dĩ, gọi là hiện tượng bởi sự nổi bật và có tiếng vang lớn trên văn đàn và trong đời sống văn chương cả nước. Sự ra đời của Tự lực văn đoàn tạo nên một cột mốc đánh dấu sự xuất hiện của nền văn học Việt Nam hiện đại. Sự ra đời của Tự lực văn đoàn không chỉ là một hiện tượng mà còn là một sự kiện bởi bằng những sáng tạo nghệ thuật hiện đại, các nhà văn trong nhóm Tự lực văn đoàn đã tạo nên một bước ngoặt, một kỳ tích cho sự xuất hiện chính thức của nền văn học có tính hiện đại cao. Nó mở ra một kỳ nguyên phát triển của nền văn học Việt Nam hiện đại. Nếu như các tác phẩm văn chương quốc ngữ ở giai đoạn giao thời với vai trò tiên phong của các nhà văn Nam bộ và sau đó là các nhà văn Bắc và Trung bộ mới chỉ là tiếng gà gáy báo sáng thì các tác phẩm của các nhà văn Tự lực văn đoàn thực sự làm nên buổi bình minh của nền văn học Việt Nam hiện đại. Thao tác giảng thuật là cách mà giảng viên khi giảng kết hợp với kể chuyện, như kể các giai thoại văn học về các tác giả, tác phẩm Tự lực văn đoàn. Ba thao tác nhỏ này trong phương pháp thuyết trình luôn luôn được kết hợp nhuần nhuyễn và hài hòa. Phương pháp thuyết trình với ba thao tác giảng diễn, giảng giải, giảng thuật rất có lợi thế trong việc cung cấp các khái niệm, các thuật ngữ của khoa nghiên cứu văn học vào việc học phần văn chương Tự lực văn đoàn. Các thuật ngữ này là những công cụ để giúp cho sinh viên nắm bắt được những đóng góp, những thành tựu cũng như đặc trưng thi pháp thể loại nói riêng và văn chương Tự lực văn đoàn nói chung. Các thuật ngữ như hiện đại hóa văn học, không gian, thời gian nghệ thuật, tính đa thanh phức điệu của ngôn ngữ tiểu thuyết Tự lực văn đoàn được trình bày bằng phương pháp thuyết trình, góp phần tạo nên ấn tượng thẩm mỹ trong cảm giác tiếp nhận ban đầu của sinh viên. Với thao tác giảng diễn khi đi vào phân tích một số tác phẩm văn chương Tự lực văn đoàn sẽ gợi mở cho sinh viên những hướng tiếp cận mới mẻ, gieo vào lòng sinh viên những xúc cảm

thảm mỹ tinh tế, đồng thời tạo được ấn tượng thẩm mỹ cho sinh viên. Phương pháp thuyết trình còn giúp cho sinh viên biết cách hệ thống hóa trong tư duy nghiên cứu để xác lập hệ đề tài và hệ chủ đề của các tác phẩm văn chương Tự lực văn đoàn. Một bài giảng là một chỉnh thể, một hệ thống. Vì vậy, việc thực hiện phương pháp thuyết trình sẽ đảm bảo tính chỉnh thể và hệ thống cho bài giảng. Tuy nhiên, để phương pháp này phát huy hiệu quả tối ưu, giảng viên cho sinh viên thực hành thuyết trình về một số vấn đề nào đó trong những tác phẩm văn chương Tự Lực văn đoàn như: 1. *Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong tiểu thuyết Tự lực văn đoàn*, 2. *Nghệ thuật kết cấu của tiểu thuyết Tự lực văn đoàn*, 3. *Mối quan hệ giữa nhân vật và cốt truyện trong tiểu thuyết và truyện ngắn Tự lực văn đoàn*, 4. *Giọng điệu chung trong tiểu thuyết Tự lực văn đoàn*?... Khi cho sinh viên thực hiện thuyết trình một hoặc một số vấn đề trong tác phẩm của các nhà văn đoàn, giảng viên giúp sinh viên có được bước khởi đầu trong việc gieo mầm cho cảm hứng tiếp nhận tác phẩm, khám phá tác phẩm, giúp sinh viên chủ động trong lĩnh hội tri thức đồng thời qua đó kiểm tra, đánh giá khả năng cảm thụ tác phẩm cũng như khả năng hùng biện của sinh viên khi tiếp nhận tác phẩm. Có thể nói, để sinh viên thuyết trình không chỉ đem lại không khí dạy-học sôi động mà còn tạo nên sự hợp tác hữu hiệu song phương giữa người dạy và người học. Từ đó, giúp nâng cao chất lượng dạy và học phân văn xuôi Tự lực văn đoàn.

### 3.2 Phương pháp đàm thoại

Phương pháp đàm thoại nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của sinh viên trong việc tiếp nhận kiến thức của một bài học và giúp cho “*không khí lớp học sẽ sôi nổi và việc tiếp thu kiến thức sẽ tốt hơn*” (Đinh Văn Tiến và ctv., 2016). Phương pháp đàm thoại trong dạy - học văn tạo nên sự hợp tác song phương chặt chẽ, nhịp nhàng giữa người dạy và người học trong quá trình tiếp nhận văn chương. Thực hiện phương pháp đàm thoại cũng góp phần tạo nên hiệu quả cho yêu cầu “lấy người học làm trung tâm” trong việc dạy và học.

Để thực hiện phương pháp đàm thoại trong việc dạy - học về thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn, giảng viên và sinh viên đều phải có sự chuẩn bị trước. Khâu chuẩn bị là yếu tố đảm bảo cho sự thành công của việc thực hiện phương pháp đàm thoại. Người Nga có câu tục ngữ “*Một việc tiến hành tốt coi như nửa việc đã làm xong*”. “*Một việc tiến hành tốt*” trong đó có việc chuẩn bị. Việc chuẩn bị này bao gồm hoạt động của thầy và trò. Về phía giảng viên, phải chuẩn bị trước một hệ thống câu hỏi mà những câu hỏi này hoàn toàn sát với yêu cầu của trọng tâm bài giảng. Có như vậy mới tránh được biểu hiện mang tính hình thức, hời hợt. Để gây ấn

tượng thẩm mỹ cho sinh viên khi dạy- học về *Thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn*, ngay từ hệ thống câu hỏi cũng phải gây được ấn tượng thẩm mỹ gợi được cái hay, cái đẹp của văn chương. Với yêu cầu ấy, giảng viên cần nhận định văn học sử với việc phân tích văn bản tác phẩm tiểu thuyết *Hồn bướm mơ tiên* của Khái Hưng bằng một hệ thống câu hỏi đàm thoại:

1. Trong văn bản tiểu thuyết *Hồn bướm mơ tiên* của Khái Hưng, khi bước vào thế giới tình yêu, nhân vật Ngọc đã mở một cuộc thăm dò, khám phá, thám hiểm. Đối tượng thám hiểm của nhân vật Ngọc là gì? (*Đáp án*: Cuộc thám hiểm của nhân vật Ngọc trong *Hồn bướm mơ tiên* hoàn toàn khác hẳn với những cuộc thám hiểm trong tiểu thuyết khoa học viễn tưởng. Nhân vật Ngọc đã thực hiện hành trình thám hiểm bí mật của tâm lý mang giới tính nữ của nhân vật chú tiểu Lan)

2. Anh/chị hãy dựa vào một chuỗi tình huống nghệ thuật trong văn bản tác phẩm để dựng lại cuộc thám hiểm đó?

3. Cơ sở của cuộc thám hiểm này là gì? (*Đáp án*: Chú tiểu Lan thực chất là một cô gái, nhưng vì cô khao khát được tu hành nên cô đã cải trang (mà không cải giới) thành con trai để thực hiện khát vọng của cô. Việc làm của Lan đã đánh lừa mọi người, trong đó có Ngọc. Nhưng với cảm quan tinh tế và nhạy bén, Ngọc đã thám hiểm và phát hiện được thực chất “chú tiểu” Lan là con gái)

4. Phần cuối của *Hồn bướm mơ tiên* có tới 7 lần Khái Hưng viết “*Lá rụng*”. Lá rụng ở đây nếu là lá thực, lá tự nhiên rụng về mùa thu thì xét “*Lá rụng*” là điệp ngữ. Vậy đây có phải là lá rụng của một loại cây có thực không? (*Đáp án*: Không. Nên không thể xem 7 lần “*Lá rụng*” trong *Hồn bướm mơ tiên* là điệp ngữ mà là một biểu tượng thẩm mỹ được nhắc đi nhắc lại 7 lần. Trong 7 lần nhắc lại biểu tượng thẩm mỹ này, mỗi lần nhắc đều gắn với mỗi khía cạnh thuộc một trạng thái tâm lý nhất định của nhân vật Lan. Biểu tượng nghệ thuật này có ý nghĩa: lá rụng là lá đã lìa cành, lá không thể gắn với cành được nữa cũng như nhân vật Lan đã thoát tục để vào tu ở cửa Phật thì không thể trở lại với đời, không thể hoàn tục được nữa. Nên tình yêu của Ngọc và Lan không đến được với bến bờ của hạnh phúc lứa đôi. Đây cũng là điểm làm cho mối tình này hoàn toàn trong trắng, thoát tục, không vương một chút bụi của tình yêu mang tính vật dục, sắc dục tầm thường. Cũng từ đây hiểu được nhan đề *Hồn bướm mơ tiên* - một tình yêu lý tưởng mang hương vị của hoa Ngọc - Lan nơi cõi Phật.

5. Kết thúc *Hồn bướm mơ tiên* có hậu không? Nên gọi lối kết thúc này bằng tên gì? (*Đáp án*: Kết thúc không có hậu. Đây là lối kết thúc mở)



Những câu hỏi gợi mở trên gây ấn tượng thẩm mỹ cho sinh viên về thành tựu đầu tiên của thể loại tiểu thuyết Tự lực văn đoàn đã mang nhiều yếu tố mới mẻ của thể loại tiểu thuyết hiện đại.

Về phía sinh viên, công tác chuẩn bị được tập trung ở việc đọc những tác phẩm tiêu biểu của các nhà văn Tự lực văn đoàn và Giáo trình văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945. Công việc chuẩn bị của sinh viên phải có sự hướng dẫn của giảng viên. Sự hướng dẫn ấy bao gồm các việc giới hạn tác phẩm chủ yếu cần đọc và gợi ý khám phá những nét đặc sắc về nghệ thuật cũng như những phát hiện mới về nội dung trong các văn bản tác phẩm văn chương Tự lực văn đoàn. Muốn thực hiện yêu cầu này, giảng viên cần gợi ý cho sinh viên thực hiện phương pháp so sánh và để cho họ làm quen các khái niệm, các thuật ngữ của các chuyên ngành thuộc Lý luận văn học như: Thi pháp học, Mỹ học tiếp nhận, Tự sự học, Diễn ngôn văn học... Đồng thời biết vận dụng thành tựu nghiên cứu của Lý luận văn học vào việc học tập và nghiên cứu. Trên cơ sở hướng dẫn sinh viên thực hiện phương pháp so sánh (bao gồm so sánh lịch đại và so sánh đồng đại), giảng viên mới chuẩn bị hệ thống câu hỏi để sinh viên so sánh nhằm làm bật nổi đặc trưng các thành tựu văn chương của Tự lực văn đoàn. Đặc trưng của thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn là trọng tâm của bài giảng về Tự lực văn đoàn. Nên các câu hỏi đàm thoại cần tập trung ở phần này. Phương pháp đàm thoại cục bộ với ý nghĩa là đàm thoại có trọng tâm, có giới hạn chứ không đàm thoại tràn lan dễ gây cảm giác nhàm chán hoặc căng thẳng không nên có cho sinh viên và phá vỡ tính chỉnh thể của một bài giảng. Bởi người học là sinh viên ở bậc đại học nên câu hỏi phải là những câu hỏi phát hiện, không dùng câu hỏi cơ bản. Nếu dùng câu hỏi cơ bản như đối với học sinh phổ thông thì chỉ có tính chất nhắc lại những cái đã biết hoặc đã đọc. Nên có những câu hỏi nêu yêu cầu so sánh như: “*Anh/chị hãy cho biết điểm giống nhau và khác nhau về nghệ thuật xây dựng nhân vật trong tiểu thuyết của Nhất Linh và Khái Hưng*”, hay “*Anh/chị hãy so sánh nét riêng của nghệ thuật tạo dựng chi tiết trong truyện ngắn của Thạch Lam với nghệ thuật tạo dựng chi tiết trong truyện ngắn của Khái Hưng và Thế Lữ?*”

Các câu hỏi phát hiện cần có tính hệ thống theo trình tự từ hẹp đến rộng, từ cụ thể đến bao quát hoặc từ bao quát đến cụ thể theo một trình tự logic và có tính thống nhất cao. Khi kết hợp kiến thức văn học sử với việc phân tích tác phẩm Tự lực văn đoàn như truyện ngắn Thạch Lam thì câu hỏi phát hiện trước tiên là: 1. *Anh/chị hãy cho biết nét nổi bật về nghệ thuật truyện ngắn Thạch Lam?* 2. *Anh/chị hãy so sánh nét nổi bật ấy trong truyện ngắn Thạch Lam với những nét nổi bật của truyện ngắn Xuân Diệu*

*trong tập Phấn thông vàng (1939).* Những câu hỏi như thế vừa khám phá được thi pháp thể loại truyện ngắn Thạch Lam vừa có tính chất xâu chuỗi được kiến thức, về tính đa phong cách thể loại truyện ngắn của Tự lực văn đoàn, vừa phát hiện được cá tính sáng tạo của Thạch Lam, vừa cảm nhận được đặc trưng thi pháp của Xuân Diệu ở thể loại truyện ngắn. Mặc dù phần văn chương hiện thực phê phán được dạy - học sau phần văn chương Tự lực văn đoàn, nhưng cũng nên gợi ý để sinh viên đọc trước một số tác phẩm của các nhà văn thuộc khuynh hướng này. Từ đó, khi thực hiện phương pháp đàm thoại, cần gợi ý cho sinh viên so sánh truyện ngắn Thạch Lam với truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan (một đảng thiên về tình, một đảng thiên về việc), tiểu thuyết của Tự lực văn đoàn với tiểu thuyết của các nhà văn hiện thực phê phán. Đây là phương pháp đàm thoại và với yêu cầu so sánh để xác lập đặc trưng thi pháp tiểu thuyết và truyện ngắn của Tự lực văn đoàn, giúp cho sinh viên vừa có bề rộng về kiến văn, vừa có chiều sâu trong cảm thụ để khám phá đặc trưng cũng như thành tựu của văn chương Tự lực văn đoàn.

Thực hiện phương pháp đàm thoại gắn tác phẩm với kiến thức văn học sử sẽ khơi gợi hứng thú cảm nhận văn chương và gây được ấn tượng thẩm mỹ cho sinh viên. Nếu chỉ giảng đơn thuần về kiến thức văn học sử thì bài giảng rất khô khan và gần như không gây được ấn tượng thẩm mỹ. Tác phẩm văn chương hay nói cách khác là văn bản tác phẩm văn chương là đối tượng trung tâm nhất của khoa học văn học. Dù bàn đến đặc trưng của văn chương, tính dân tộc của văn chương, Thi pháp học hay Tự sự học, Ký hiệu học nghệ thuật, Diễn ngôn trần thuật đều phải từ tác phẩm. Nghiên cứu một xu hướng văn chương hay phong cách một tác gia văn chương cũng đều phải lấy tác phẩm làm đối tượng trung tâm. Lịch sử văn chương cũng chính là lịch sử xuất hiện của các tác gia, tác phẩm gắn liền với thể loại và các xu hướng trào lưu nghệ thuật. Nên thao tác kết hợp kiến thức văn học sử với việc phân tích tác phẩm theo hướng diễn dịch từ những nhận định chung của văn học sử đến những nét riêng của tác phẩm Tự lực văn đoàn bằng phương pháp đàm thoại dễ gây được ấn tượng thẩm mỹ cho sinh viên.

Phương pháp đàm thoại trong dạy - học với những câu hỏi yêu cầu thực hiện cách so sánh trong tư duy không giới hạn ở việc so sánh phong cách các nhà văn Tự lực văn đoàn với phong cách của các nhà văn hiện thực phê phán cùng thời (so sánh đồng đại) hay so sánh phong cách của từng nhà văn Tự lực văn đoàn với phong cách của các nhà văn ở giai đoạn giao thời trước đó (so sánh lịch đại) hay so sánh thi pháp tiểu thuyết Tự lực văn đoàn với thi pháp tiểu thuyết của các nhà văn hiện thực phê phán, mà còn so sánh tác phẩm trước và tác phẩm sau của cùng

một nhà văn trong nhóm Tự lực văn đoàn để hiểu được một cách sâu sắc sự đổi mới không ngừng trên con đường sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn trong nhóm này. Chẳng hạn so sánh *Đoạn tuyệt* với *Bướm trắng* của Nhất Linh, so sánh *Nửa chừng xuân* với *Bến khỏa* của Khái Hưng,... để thấy được rằng các nhà văn Tự lực văn đoàn không bao giờ tự lặp lại mình. Tất cả các câu hỏi của phương pháp dạy học đàm thoại “gây men” cho cảm hứng tiếp nhận của sinh viên chuyên ngành Ngữ văn, như là một yếu tố xúc tác để gọi cho sinh viên những tìm tòi, phát hiện mới bằng phương pháp so sánh trong tư duy.

Các câu hỏi đàm thoại của giảng viên cũng cần phải góp phần thực hiện yêu cầu tích hợp. Ở đây, có sự tích hợp kiến thức của các phân ngành thuộc Lý luận văn học như: Thi pháp học, Tự sự học với Lịch sử và Phê bình văn học. Ngoài ra còn có sự tích hợp phương pháp trên cơ sở phân định giữa phương pháp dạy học và phương pháp tư duy. Không chỉ có kiến thức lịch sử văn học mà trong câu hỏi đàm thoại còn tích hợp cả kiến thức lịch sử xã hội ở giai đoạn 1930-1945. Ngoài những yêu cầu trên của phương pháp, bài giảng về thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn còn góp phần xây dựng tư duy theo hướng phản biện cho sinh viên. Từ đó, khắc phục lối tư duy đơn lập, sơ lược và nhảm chán - một biểu hiện khá phổ biến trong tư duy của sinh viên. Để thay đổi lối tư duy đơn lập này, khi dạy phần văn chương Tự lực văn đoàn, giảng viên cần phải “đánh thức” trí tuệ sinh viên trong cảm nhận bằng tư duy phản biện. Khi trình bày tiểu thuyết *Đoạn tuyệt*, *Lạnh lùng* của nhà văn Nhất Linh, *Con đường sáng* của nhà văn Hoàng Đạo, *Gia đình* của nhà văn Khái Hưng, giảng viên có thể nêu quan niệm về tiểu thuyết luận đề của Susan Rubin Sulciman: “*Tiểu thuyết luận đề mang tiếng xấu, nhất là ở thời đại chúng ta, các văn bản để đọc bị nghi ngờ*” (Đỗ Đức Hiểu, 1999) và Pierre Louis Rey cho rằng: “*Tiểu thuyết luận đề mang một ý nghĩa chẳng hay ho gì, bởi vì tác giả của loại tiểu thuyết này “khoác cho tư tưởng mình muốn bảo vệ cái áo hư cấu*” (Đỗ Đức Hiểu, 1999). Cũng theo bà Susan (dẫn theo Đỗ Đức Hiểu, 1999), trong một cuộc điều tra về xu hướng nghiên cứu văn chương thẩm mỹ năm 1964 ở phương Tây, nhiều nhà văn trả lời dứt khoát: “*Tiểu thuyết luận đề ở ngoài phạm vi nghệ thuật*”. Cũng có nhiều nhà văn lớn tiếng cho rằng: “*Chúng mình một luận đề bằng tiểu thuyết là một sự điên rồ thật sự*”. Giảng viên có thể nêu ra câu hỏi: “*Dựa vào sự cảm nhận tiểu thuyết *Đoạn tuyệt/Lạnh Lùng*... mà anh/chị đã đọc, hãy trình bày những suy nghĩ về các ý kiến trên?*” (Nhất Linh, 1989). Khi thực hiện phương pháp đàm thoại theo hướng phản biện, các câu hỏi cần có tính cụ thể và rõ ràng, đồng thời có tính gợi mở. Bên cạnh đó, cũng cần hạn chế những câu hỏi cơ bản, giản lược chỉ

được trả lời bằng ghi nhớ máy móc hay bằng những “đáp số” tối giản như trong thi trắc nghiệm.

Trong một bài giảng ở bậc đại học, do trình độ tư duy của sinh viên, nên việc sử dụng phương pháp đàm thoại có mức độ, có giới hạn. Phương pháp đàm thoại chủ yếu tập trung ở phần trọng tâm của bài giảng nhằm tác động mạnh mẽ vào trí tuệ và khơi gợi những cảm xúc thẩm mỹ mới cho sinh viên Ngữ văn. Có như vậy mới tạo được ấn tượng thẩm mỹ cho sinh viên. Cũng do thời gian được ấn định cho các phần, các tiết trong chương trình đại học, nên không thể kéo dài thời gian thực hiện phương pháp đàm thoại. Vì vậy, phương pháp đàm thoại phải được kết hợp với các phương pháp khác. Tùy từng bài giảng, từng phần được giảng, giảng viên đại học cần vận dụng linh hoạt, điều tiết hợp lý các phương pháp cho phù hợp với đặc điểm của từng phần trong bài.

### 3.3 Phương pháp trực quan

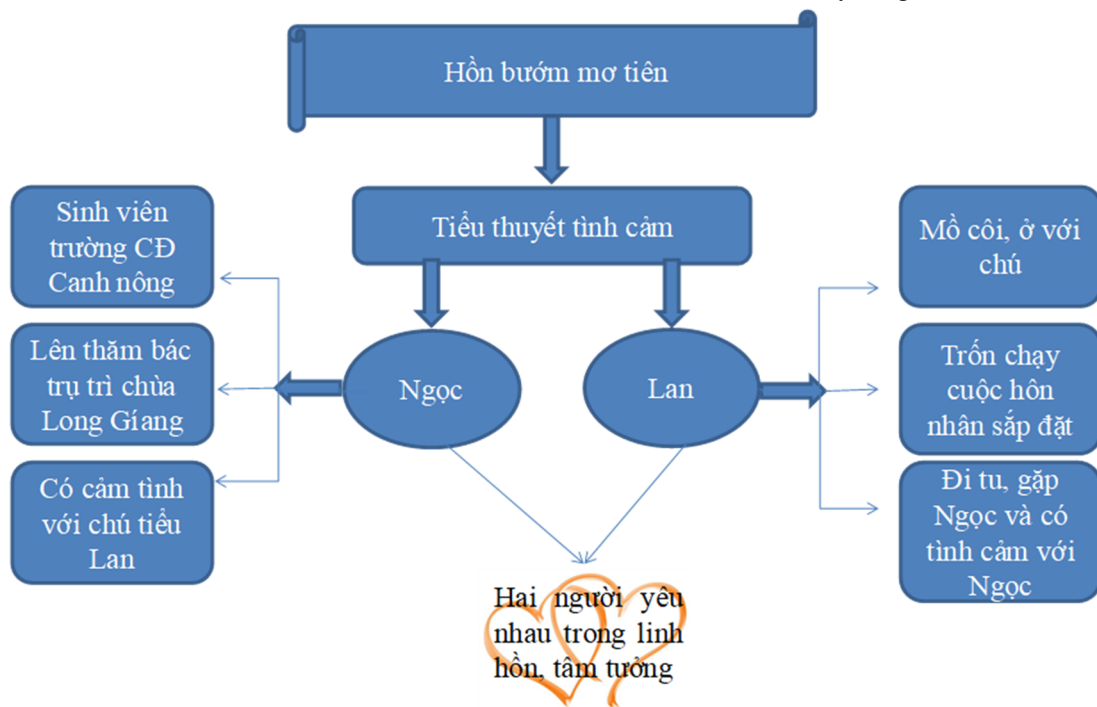
Kiến thức trong một bài giảng chuyên ngành Ngữ văn vốn rất trừu tượng. Để khắc phục một phần trừu tượng như là một đặc điểm của chuyên ngành này, cần phải kết hợp hai phương pháp trên với phương pháp trực quan. Phương pháp trực quan giúp cho kiến thức trừu tượng được cụ thể hóa, rõ ràng hơn, trực tiếp hơn, gây được ấn tượng tức thời, rút ngắn được cuộc “hành trình” trên con đường đi tới nhận thức bài giảng của người học. Tuy nhiên, để làm cho giờ dạy - học văn xuôi Tự lực văn đoàn trở nên sinh động và hấp dẫn hơn, giảng viên có thể cho sinh viên đóng vai, xem video về những tác phẩm văn xuôi Tự lực văn đoàn đã được chuyển thể sang loại hình kịch, cải lương, phim truyền hình hoặc bằng cách lập sơ đồ tư duy,... Có thể nói, mỗi hình thức trực quan đều có hiệu quả nhất định trong dạy - học văn chương Tự lực văn đoàn. Song, để phát huy những hình thức này một cách có hiệu quả, người dạy phải biết cách vận dụng chúng trong thể chủ động, linh hoạt và sáng tạo. Khi cho sinh viên xem những đoạn trích trong vở cải lương *Đoạn tuyệt* được chuyển thể từ tiểu thuyết luận đề cùng tên của nhà văn Nhất Linh, giảng viên có thể cho sinh viên thấy sự “mất mát” khi chuyển thể tiểu thuyết *Đoạn tuyệt* sang kịch bản cải lương hoặc tùy theo vấn đề giảng viên muốn nhấn mạnh trong tác phẩm này như: khát vọng khẳng định cái “tôi” cá nhân; chống mặt trái của lễ giáo phong kiến; mối quan hệ mẹ chồng - nàng dâu trong xã hội phong kiến... mà giảng viên cho sinh viên xem những đoạn trích phù hợp, sát hợp với yêu cầu của bài giảng. Và muốn đạt kết quả tốt, trước khi sinh viên được xem những đoạn trích ấy, giảng viên cần có những định hướng cụ thể bởi nếu không, sinh viên - người học tuy có ý thức cao trong học tập- cũng dễ sa đà, chú ý những

chi tiết, tình tiết không quan trọng, không phù hợp với chủ đề của bài giảng.

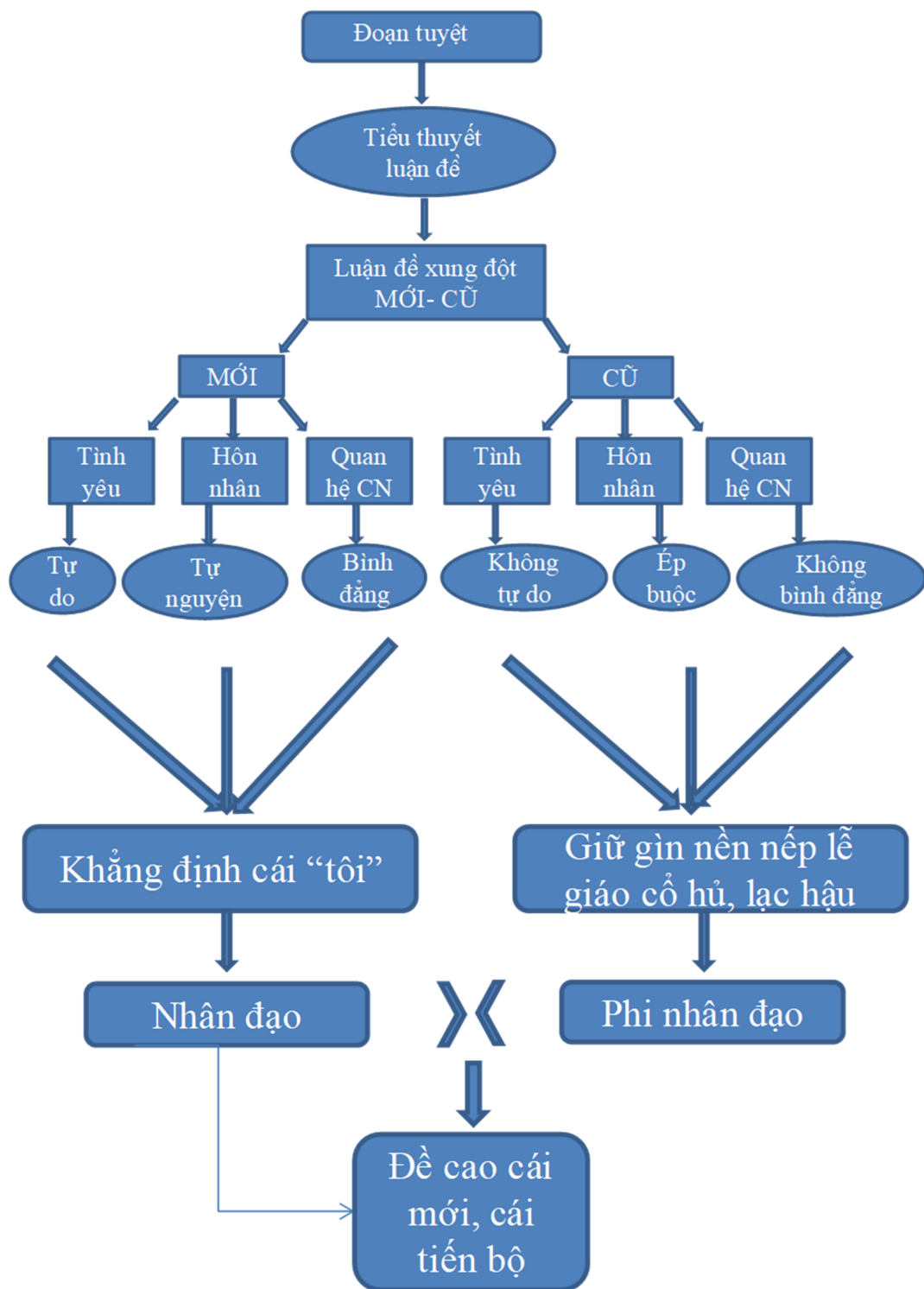
Với ưu thế “Đơn giản hóa nội dung bài học, giải quyết được vấn đề quá tải kiến thức/ Hệ thống hóa kiến thức logic, rành mạch.../Tối đa khả năng ghi nhớ và tư duy não phải với các đường nét, màu sắc và hình ảnh minh họa/Tạo niềm hứng thú và đặc biệt yêu thích đối với môn học” (Trịnh Văn Quỳnh, 2016), sơ đồ tư duy trong dạy - học Ngữ văn thực sự phát huy hiệu quả trong cụ thể hóa và hệ thống hóa các kiến thức cần tiếp nhận trong khi dạy - học văn chương Tự lực văn đoàn. Khi sơ đồ hóa luận đề trong tiểu thuyết *Đoạn tuyệt*, giảng viên có thuyết minh sơ đồ với các yếu tố hình thành luận đề trong văn bản tác phẩm này hay thiết lập sơ đồ cốt truyện *Hồn bướm mơ tiên*. Với phương pháp trực quan bằng sơ đồ tư duy, sinh viên Ngữ văn khi học tập vừa nhận ra vấn đề cốt lõi trong tiểu thuyết *Đoạn tuyệt*, vừa nắm được khái niệm luận đề khá trừu

tượng trong tiểu thuyết luận đề là gì. Có những tác phẩm như *Hồn bướm mơ tiên* của Khái Hưng, giảng viên đã sơ đồ hóa cốt truyện, làm cho sinh viên nắm chắc cốt truyện bằng cảm nhận trực tiếp và cụ thể của họ. Từ việc sơ đồ hóa những khía cạnh thuộc về nội dung hoặc hình thức nghệ thuật trong tác phẩm văn chương Tự lực văn đoàn, giảng viên giúp người học có ấn tượng thẩm mỹ sâu sắc về tác phẩm.

Do đặc điểm tâm lý của sinh viên đại học khác với học sinh phổ thông nên phương pháp trực quan - một trong ba phương pháp cơ bản nhất của việc dạy - học chỉ nên vận dụng có mức độ, tránh lạm dụng, sa đà. Có như vậy, người học mới cảm thấy hứng thú và phát huy vai trò chủ động trong việc tiếp nhận tri thức trừu tượng của văn chương. Tuy nhiên, phương pháp trực quan có hạn chế là làm giảm khả năng tưởng tượng của sinh viên. Bởi “thấy” bằng tưởng tượng bao giờ cũng sâu sắc hơn, nhiều màu nhiều vẻ hơn so với thấy bằng mắt.



Hình 1: Sơ đồ hóa cốt truyện tác phẩm *Hồn bướm mơ tiên* của Khái Hưng



Hình 2: Sơ đồ hóa luận đề trong tiểu thuyết *Đoạn tuyệt* của Nhất Linh

#### 4 KẾT LUẬN

Suy cho cùng việc dạy văn chương của thầy và việc học văn chương của trò đều là sự tiếp nhận. Thầy tiếp nhận văn chương để dạy, trò tiếp nhận văn chương để học. Như vậy, sự “gặp gỡ” giữa thầy và

trò trong dạy - học văn chương là ở điểm tiếp nhận. Nói như thế tưởng như là việc dạy văn chương của thầy và việc học văn chương của trò là giống nhau. Tuy cùng là tiếp nhận nhưng ở thầy khác, trò khác, hoàn toàn không giống nhau. Sự tiếp nhận của thầy là để trao truyền cho các lớp sinh viên. Nhưng sự



trao truyền này không phải là đơn phương, một chiều. Muốn nâng cao chất lượng của các bài giảng môn Ngữ văn như *Thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn* thì nhất thiết phải đổi mới phương pháp dạy-học. Thực chất đổi mới phương pháp dạy - học là việc tiếp nhận và vận dụng sáng tạo những thành tựu của các phương pháp dạy học hiện đại, đồng thời kế thừa sáng tạo phương pháp dạy học truyền thống. Kể cả tiếp nhận phương pháp dạy - học hiện đại cho đến kế thừa phương pháp dạy học truyền thống đều phải qua sự chọn lọc. Các phương pháp dạy-học Ngữ văn nói trên, mỗi phương pháp đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Trong một tiết dạy hay một bài giảng, tùy đặc điểm của từng tiết, từng bài, từng lớp, từng khóa, từng thời gian nhất định, giảng viên phải nắm được thực tế đó để thực hiện và điều tiết các phương pháp một cách hợp lý cho sát với đặc điểm của những yếu tố kể trên. Có như vậy, mới phát huy được ưu thế riêng của mỗi phương pháp trong dạy học Ngữ văn nói chung và dạy học phần thành tựu văn chương Tự lực văn đoàn nói riêng.

Ở những phương pháp dạy - học truyền thống có tuổi đời hàng nghìn năm trong lịch sử dạy và học của loài người mà ngày nay dù có thay tên thì nó vẫn giữ vai trò nhất định trong hoạt động dạy - học. Đó là phương pháp thuyết trình và phương pháp đàm thoại. Tuy nhiên, so với phương pháp thuyết trình, phương pháp đàm thoại có ưu thế trong việc làm rõ hơn mối quan hệ mang tính song phương giữa dạy và học của thầy và trò. Đồng thời với phương pháp đàm thoại, giảng viên sẽ phát huy được tinh thần chủ động sáng tạo của sinh viên ở mức cao, tạo nên một sự cộng hưởng trong việc tiếp nhận văn chương. Thực hiện phương pháp này sẽ khơi gợi những cảm thụ thẩm mỹ tinh tế, những khám phá mới mẻ về những giá trị đích thực của văn chương Tự lực văn đoàn.

Cải tiến phương pháp sẽ góp phần tạo nên hướng mở cho trí tuệ, cho nhận thức của sinh viên. Từ đó, phát triển tốt sự thông minh của sinh viên trong học văn, cảm nhận văn chương với tất cả những sắc vị đặc trưng của nó như văn chương Tự lực văn đoàn.

Thế giới không ngừng biến động, mọi hiện tượng, mọi sự vật luôn luôn thay đổi. Nên bàn tới phương pháp là bàn tới sự đổi mới theo quy luật đã được nêu ra trong một định đề triết học của triết gia cổ đại Hy Lạp Heraclit: “*Người ta không bao giờ tắm lại lần thứ hai trên một dòng sông*”. Tất cả mọi cái đều có sẵn là của tự nhiên và xã hội. Duy chỉ có phương pháp là của con người. Con người lại rất phong phú, đa dạng. Nên phương pháp cũng rất

phong phú, đa dạng như chính con người. Trong sự biến động không ngừng của thế giới và của cuộc sống, con người - chủ thể duy nhất của phương pháp - cũng phải luôn luôn tìm tòi và đổi mới phương pháp thì mới tồn tại và phát triển được. Đổi mới phương pháp dạy - học Ngữ văn cũng nằm trong yêu cầu có tính quy luật ấy.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Xuân Diệu, 1999. Xuân Diệu - Truyện ngắn. *Trong*: Viện Văn học, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Phan Trọng Thường - Nguyễn Cừ (Giới thiệu và tuyển chọn), *Văn chương Tự lực văn đoàn*, tập 3. Nhà xuất bản Giáo dục. 919 - 966.
- Đỗ Đức Hiểu, 1999. Đoàn tuyệt. *Trong*: Đỗ Đức Hiểu, *Đổi mới đọc và bình văn*, Nhà xuất bản Hội nhà văn. Hà Nội, 85 - 101.
- Khái Hưng, 1999. *Trong*: Viện Văn học, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Phan Trọng Thường- Nguyễn Cừ (Giới thiệu và tuyển chọn), *Văn chương Tự lực văn đoàn*, tập 3. Nhà xuất bản Giáo dục. 8 - 1200.
- Thạch Lam, 2000. Thạch Lam - Truyện ngắn. *Trong*: Xuân Tùng (Chủ biên). Thạch Lam và văn chương, Nhà xuất bản Hải Phòng. Thành phố Hải Phòng, 21 - 266.
- Nguyễn Lân, 2007. Từ điển từ và ngữ Hán Việt. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh, 872 trang.
- Nhất Linh, 1989. Nhất Linh – Tiểu thuyết. *Trong*: Nguyễn Hoàn Khung, Nguyễn Cừ, Phong Hà và Trần Hồng Chuyên. *Văn xuôi lãng mạn Việt Nam (1930- 1945 )*, tập 3. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 5 - 300.
- Nhất Linh, 2006. Nhất Linh – Tiểu thuyết. *Trong*: Viện Văn học, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Phan Trọng Thường - Nguyễn Cừ (Giới thiệu và tuyển chọn), *Văn chương Tự lực văn đoàn*, tập 1 (Tái bản lần 2). Nhà xuất bản Giáo dục. 21 - 390.
- Thế Lữ, 1987. *Thế Lữ truyện chọn lọc*. Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội. 7- 263.
- Hoàng Phê, Bùi Khắc Việt, Chu Bích Thu và ctv., 1998. Từ điển Tiếng Việt. Nhà xuất bản Đà Nẵng. Thành phố Đà Nẵng, 1130 trang.
- Trịnh Văn Quỳnh, 2016. Lời mở đầu. *Trong*: Trịnh Văn Quỳnh (Chủ biên). *Đột phá mind map tư duy đọc hiểu môn Ngữ Văn bằng hình ảnh*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội, 6.
- Đình Văn Tiến- Ulrich Lipp (Cố vấn) - Nguyễn Thị Minh Phương, Phạm Thị Thủy, Lê Viết Chung (Tác giả)- Đình Văn Tiến (Hiệu đính), 2016. Cẩm nang phương pháp sư phạm. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh, 284 trang.